

# **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG AN KHÁNH PHÁT**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG AN KHÁNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN KHANH PHAT COMMUNICATION AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN KHANH PHAT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107968900

**3. Ngày thành lập:** 18/08/2017

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 18A/48, ngõ 145 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                | <b>Mã ngành</b> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                | 8292            |
| 2.         | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                           | 6201            |
| 3.         | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                               | 5820            |
| 4.         | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                             | 6202            |
| 5.         | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                  | 6619            |
| 6.         | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                        | 7020            |
| 7.         | Quảng cáo                                                                                                                                                                                       | 7310            |
| 8.         | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                  | 7410            |
| 9.         | In ấn                                                                                                                                                                                           | 1811            |
| 10.        | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                          | 4620            |
| 11.        | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                              | 4632            |
| 12.        | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                | 4633            |
| 13.        | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                            | 4641            |
| 14.        | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                              | 4649            |
| 15.        | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                          | 4653            |
| 16.        | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại<br>- Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4719            |
| 17.        | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                         | 4791            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                              | 5510        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                        | 6209        |
| 20. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                     | 6311        |
| 21. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4759        |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; | 4773        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;             | 4932        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                       | 5610        |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                          | 5621        |
| 26. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                               | 7320        |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                              | 8230(Chính) |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                   | 8299        |
| 29. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                      | 4669        |
| 30. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4771        |
| 31. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)               | 4772        |
| 32. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                               | 1812        |
| 33. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                              | 4610        |
| 34. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                    | 4651        |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                     | 4652        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; | 4659 |
| 37. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662 |
| 38. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663 |
| 39. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 40. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 41. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THU CÚC  | Số nhà 80, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 500.000.000           | 50,000    | 013392449                                                                                                                                         |         |
| 2   | TRẦN THỊ PHƯƠNG | Số 26, ngõ 93, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 012059098                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THU CÚC

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Phó Giám đốc*

Sinh ngày: 24/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013392449

Ngày cấp: 19/09/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 80, ngõ 84, phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 14, tầng 02, nhà B, tập thể Cao su Đường sắt, ngõ 29 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

\* Họ và tên: TRẦN THỊ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012059098

Ngày cấp: 24/09/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 26, ngõ 93, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 18A/48, ngõ 145 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội